

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 46/2019/HS-ST
Ngày: 09-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Ngọc Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Lê Hưng
2. Bà Phạm Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Huỳnh Ngọc Nh., sinh ngày 03/3/1996, tại tỉnh Khánh Hòa; Thường trú: Số X, đường Y, phường Z, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở: Không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Ngọc Th. và bà Huỳnh Ngọc Thục V.; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 30/3/2015 bị Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm 07 tháng 15 ngày tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/6/2015 (Bản án số 63/2015/HSST); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2019 (Có mặt);

Người bị hại: Anh Nguyễn Văn M., sinh năm 1991; thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú: Số X2, đường Y2, phường Z2, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Ngọc Nh. và Nguyễn Văn M. là bạn bè và cùng ở trọ tại số X3, đường Y3, phường Z3, quận Tân Phú. Nh. nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài nên khoảng 09 giờ ngày 30/3/2018, Nh. lén lút lấy chùm chìa khóa xe đặt trên sàn nhà cạnh chỗ anh M. ngủ và lấy giấy đăng ký xe cùng bảo hiểm xe máy để trong ví da màu nâu trong balo của anh M. bỏ vào balo của mình và đi xuống nhà. Nh. đến vị trí xe gắn máy Exciter, biển số 48D1-193.96, bỏ balo lên бага xe, gắn chìa khóa vào ổ khóa, dắt xe xuống đường và nổ máy chạy xe về thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Tại đây, Nh. nhờ Nguyễn Đức Nhật S. cầm xe máy trên cùng giấy tờ xe cho một người tên Đô (chưa rõ lai lịch) tại phòng trọ phường A2, xã B2, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với giá 10.000.000 đồng. (trong đó Nh. nhận 8.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng là tiền lãi suất do Đô giữ). Riêng S. không hưởng lợi gì. Số tiền cầm xe trên Nh. đem đi trả nợ hết. Sau đó Nh. bị Công an quận Tân Phú điều tra truy xét và bắt giữ vào ngày 21/01/2019.

Đối với Nguyễn Đức Nhật S. hiện không có mặt tại nơi cư trú nên không làm việc được.

Tại Cơ quan điều tra, Huỳnh Ngọc Nh. đã khai nhận hình vi phạm tội như nêu trên.

Theo kết luận định giá tài sản số 165/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 17/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân quận Tân Phú thì tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter, biển số 48D1-193.96 có trị giá 35.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter, biển số 48D1-193.96 có trị giá 35.000.000 đồng. Hiện không thu hồi được bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 30.000.000 đồng. Mẹ bị cáo Nh. đã nộp được số tiền 5.000.000 đồng tại Cơ quan điều tra để bồi thường cho người bị hại.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter, biển số 48D1-193.96 có trị giá 35.000.000 đồng. Hiện không thu hồi được.

- 01 (một) điện thoại di động “Mobistar” màu đen, số Imei: 357750421425694 (thu giữ của Huỳnh Ngọc Nh.).

- Số tiền 5.000.000 đồng (do mẹ của bị cáo Nh. nộp tại Cơ quan điều tra).

Tại Bản cáo trạng số 42/CT-VKSQ.TP ngày 05/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Huỳnh Ngọc Nh. về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc Nh. từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Ngọc Nh. thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố và đồng ý bồi thường theo yêu cầu bồi thường của người bị hại.

Người bị hại là anh Nguyễn Văn M. yêu cầu bị cáo Huỳnh Ngọc Nh. bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đánh giá hành vi của bị cáo:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đủ cơ sở để xác định: Bị cáo Nh. đã lợi dụng lúc anh Nguyễn Văn M. là bạn cùng phòng trọ đang ngủ để lấy chìa khóa xe và giấy tờ xe của anh M.. Sau đó, Nhân lấy xe của anh M. chạy về Nha Trang nhờ Nguyễn Đức Nhật S. cầm cho đối tượng tên Đô (không rõ lai lịch) với giá 10.000.000 đồng. Đô giữ lại 2.000.000 đồng tiền lãi suất còn bị cáo Nh. nhận được 8.000.000 đồng và đem trả nợ hết. S. không hưởng lợi gì. Hành vi của Huỳnh Ngọc Nh. như vậy là đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Đức Nhật S. hiện không có mặt tại nơi cư trú nên chưa làm việc được. Đối với đối tượng tên Đô hiện không rõ nhân thân lai lịch nên chưa điều tra làm rõ được. Khi nào điều tra, làm rõ được hành vi của Nguyễn Đức Nhật S. và đối tượng tên Đô sẽ xử lý sau.

Theo kết luận định giá tài sản số 165/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 17/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân quận Tân Phú thì tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter, biển số 48D1-193.96 có trị giá 35.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nh. phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ, đồng thời ảnh hưởng đến trật tự, trị an, an toàn xã hội. Bản thân bị cáo đã trên 18 tuổi, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của

người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội, chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm để giáo dục bị cáo nói riêng và để đảm bảo việc đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung cho toàn xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Bị cáo Huỳnh Ngọc Nh. tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo, thái độ tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã động viên gia đình khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại. Do đó, xem xét áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tuy nhiên, về nhân thân bị cáo đã từng 01 lần phạm tội “Cố ý gây thương tích” nên cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Nh..

[4] Về hình phạt bổ sung:

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Huỳnh Ngọc Nh..

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Nguyễn Văn M. yêu cầu bồi thường 30.000.000 đồng và bị cáo Nh. đồng ý bồi thường. Hiện mẹ của bị cáo Nh. đã nộp tại Cơ quan điều tra số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường cho anh M.. Do đó cần buộc bị cáo Nh. tiếp tục bồi thường số tiền 25.000.000 đồng cho anh M..

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter, biển số 48D1-193.96 có trị giá 35.000.000 đồng. Hiện không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xét.

- 01 (một) điện thoại di động “Mobistar” màu đen, số Imei: 357750421425694 (thu giữ của Huỳnh Ngọc Nh.). Bị cáo khai dùng để liên lạc với S. nhờ cầm xe máy của anh M.. Đây là phương tiện phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 5.000.000 đồng do mẹ bị cáo Nh. nộp tại Cơ quan điều tra là để bồi thường cho người bị hại. Do đó, căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại số tiền 5.000.000 đồng nói trên cho anh Nguyễn Văn M..

[7] Về án phí: Bị cáo Nh. phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Ngọc Nh. phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc Nh. 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2019.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Huỳnh Ngọc Nh..

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả cho anh Nguyễn Văn M. số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động “Mobistar” màu đen, số Imei: 357750421425694 (thu giữ của Huỳnh Ngọc Nh.).

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 92/PNK ngày 15/02/2019 của Công an quận Tân Phú).

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Huỳnh Ngọc Nh. bồi thường cho anh Nguyễn Văn M. số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo và người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh (2);
- VKSND quận Tân Phú (3);
- THADS quận Tân Phú (1);
- THAHS quận Tân Phú (2);
- Phòng PC53 CA Tp. HCM (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Bị cáo (1);
- Người bị hại (1);
- Sở Tư Pháp (1);
- Lưu: VT (1); hồ sơ vụ án (1). (16)

Tô Thị Ngọc Phượng

Bị cáo và người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA